

Số: 2707/QĐ-UBND

Hồng Bàng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của phường Hồng Bàng

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỒNG BÀNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ các Nghị quyết kỳ họp thứ 4 của Hội đồng nhân dân phường Hồng Bàng khoá I: số 21/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 về chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh phường năm 2026; số 22/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND phường Hồng Bàng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 cho các đơn vị thuộc phường;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của phường Hồng Bàng gồm các Biểu đính kèm theo, cụ thể:.

- *Biểu số 01/CK-NSNN: Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026;*
- *Biểu số 02/CK-NSNN: Dự toán chi ngân sách cấp xã theo từng lĩnh vực năm 2026;*
- *Biểu số 03/CK-NSNN: Cân đối ngân sách phường năm 2026;*
- *Biểu số 04/CK-NSNN: Dự toán chi ngân sách cấp xã cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm 2026;*

Điều 2. Giao phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện công khai ngân sách theo đúng quy định.

Điều 3. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực III, Trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Như điều 3;
- Lưu: VT,TC-KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Đoan

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	1	2	3
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.674.340	612.236	
I	Thu nội địa	1.674.340	612.236	
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	992.870	327.647	
2	Lệ phí trước bạ	173.000	105.530	
3	Thu phí, lệ phí	3.500	3.500	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.350	20.350	
5	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	97.900	39.160	
6	Thu tiền sử dụng đất	380.000	114.000	
7	Thu khác ngân sách	6.720	2.049	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	0	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	0	0	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	0	0	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	B	1	2
A	CHI CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	612.236	
	Trong đó:		
I	Chi đầu tư phát triển	114.000	
II	Chi thường xuyên	486.231	
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	268.687	
2	Chi quốc phòng	6.616	
3	Chi an ninh	7.517	
4	Chi khoa học và công nghệ	390	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	13.346	
6	Chi văn hóa thông tin	2.456	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	850	
8	Chi thể dục thể thao	905	
9	Chi bảo vệ môi trường	21.607	
10	Chi các hoạt động kinh tế	32.120	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	74.488	
12	Chi bảo đảm xã hội	54.831	
13	Chi khác	2.418	
III	Dự phòng ngân sách	12.005	
B	Chi viện trợ		
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (TRƯỚC TIẾT KIỆM CHI)	612.236	
	TIẾT KIỆM CHI 10% CHI THƯỜNG XUYỀN	8.439	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG HỒNG BÀNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	612.236	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	612.236	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	63.959	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	548.277	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	
-	Thu bổ sung cân đối	0	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	0	
III	Thu kết dư	0	
IV	Thu chuyển nguồn	0	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	612.236	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	612.236	
1	Chi đầu tư phát triển	114.000	
2	Chi thường xuyên	486.231	
3	Dự phòng ngân sách	12.005	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN	486.231	268.687	390	6.616	7.517	13.346	2.456	850	905	21.607	32.120	74.488	54.831	2.418
I	Quốc phòng	6.616			6.616										
1	Các chế độ chính sách dân quân tự vệ	4.931			4.931										
2	Dự phòng tăng lương, tăng biên chế và các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	1.685			1.685										
II	An ninh và trật tự an toàn xã hội	7.517				7.517									
1	Chi phụ cấp cho tổ an ninh cơ sở trên địa bàn phường	7.100				7.100									
2	Dự phòng tăng lương, tăng biên chế và các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	417				417									
III	Hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	74.488											74.488		
1	Văn phòng Đảng uỷ phường Hồng Bang	13.443											13.443		

ĐƯƠI TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bàng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THÈ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THÈ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Hồng Bàng	5.838											5.838		
3	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Hồng Bàng (HĐND)	2.129											2.129		
4	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Hồng Bàng (UBND)	9.992											9.992		
5	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hồng Bàng	8.856											8.856		
6	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hồng Bàng (Ban chỉ huy quân sự phường)	714											714		
7	Phòng Văn hoá - Xã hội phường Hồng Bàng	5.553											5.553		
8	Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hồng Bàng	2.672											2.672		
9	Ban Thanh tra nhân dân phường	20											20		

ĐỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bàng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Chi phụ cấp cán bộ không chuyên trách	16.000											16.000		
11	Kinh phí bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp (Tạm cấp)	700											700		
12	Chi lương theo hợp đồng Nghị định 173/2025/NĐ-CP	2.069											2.069		
13	Kinh phí thưởng theo Nghị định số 73	2.069											2.069		
14	Kinh phí vận hành, duy tu, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc các cơ quan thuộc phường	2.000											2.000		
15	Dự phòng tăng lương, tăng biên chế và các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	2.434											2.434		
IV	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	268.687	268.687												
1	Trung tâm Chính trị phường Hồng Bàng	925	925												

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Trường mầm non Bạch Đằng	4.704	4.704												
3	Trường Mầm non Hạ Lý	4.996	4.996												
4	Trường mầm non Hoàng Văn Thụ	7.780	7.780												
5	Trường Mầm Non Hùng Vương	6.818	6.818												
6	Trường Mầm non Minh Khai	5.924	5.924												
7	Trường Mầm non Phan Bội Châu	6.852	6.852												
8	Trường Mầm non Sở Dầu	5.694	5.694												
9	Trường Mầm non Thượng Lý	6.776	6.776												

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Trường Mầm non Trại Chuối	5.551	5.551												
11	Trường THCS Bạch Đằng	10.500	10.500												
12	Trường THCS Hồng Bang	23.492	23.492												
13	Trường THCS Hùng Vương	8.874	8.874												
14	Trường THCS Ngô Gia Tự	15.437	15.437												
15	Trường THCS Trần Văn Ôn	8.016	8.016												
16	Trường tiểu học Bạch Đằng	12.943	12.943												
17	Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng	24.189	24.189												

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
18	Trường Tiểu học Hùng Vương	13.497	13.497												
19	Trường tiểu học Ngô Gia Tự	13.208	13.208												
20	Trường tiểu học Nguyễn Huệ	6.737	6.737												
21	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	7.157	7.157												
22	Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	11.477	11.477												
23	Trường tiểu học Trần Văn Ôn	8.915	8.915												
24	Chi các chế độ chính sách: sự nghiệp giáo dục, đào tạo	22.807	22.807												
25	Chi hoạt động đào tạo	1.000	1.000												

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
26	Kinh phí thưởng theo Nghị định số 73	11.803	11.803												
27	Kinh phí vận hành, duy tu, mua sắm trang thiết bị tại các trường học trên địa bàn phường	6.000	6.000												
28	Dự phòng tăng lương, tăng biên chế và các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	6.613	6.613												
V	Khoa học và công nghệ	390		390											
1	Kinh phí chỉnh lý tài liệu	200		200											
2	Kinh phí vận hành, duy tu, mua sắm trang thiết bị khoa học công nghệ	190		190											
VI	Văn hóa thông tin	2.456						2.456							

ĐỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bàng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Trung tâm sự nghiệp công phường Hồng Bàng	1.235						1.235							
2	Kinh phí thường theo Nghị định số 73	53						53							
3	Kinh phí tuyên truyền các hoạt động văn hoá trên địa bàn phường và vận hành, duy tu, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị tại các nhà văn hoá trên địa bàn phường	1.000						1.000							
4	Dự phòng tăng lương, tăng biên chế và các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	168						168							
VII	Thẻ dục thể thao	905								905					
1	Trung tâm sự nghiệp công phường Hồng Bàng	300								300					
2	Dự phòng các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	605								605					
VIII	Y tế, dân số và gia đình	13.346					13.346								

ĐỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bàng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Dự phòng tăng lương, tăng biên chế và các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	13.346					13.346								
IX	Bảo đảm xã hội	54.831												54.831	
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Hồng Bàng (Đền liệt sỹ)	510												510	
2	Các chế độ chính sách bảo đảm xã hội: Trung ương	23.961												23.961	
3	Các chế độ chính sách bảo đảm xã hội: Địa phương	29.095												29.095	
4	Các chế độ chính sách: Hưu xã	215												215	
5	Dự phòng các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	1.050												1.050	
X	Bảo vệ môi trường	21.607									21.607				

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Kinh phí bảo vệ môi trường	20.532									20.532				
2	Dự phòng các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	1.075									1.075				
XI	Các hoạt động kinh tế	32.120										32.120			
1	Kinh phí vận hành hoạt động của Đài Trung tâm Thành phố	28.696										28.696			
2	Kinh phí kiểm kê đất đai, xác định giá đất cụ thể, lập kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2030, quy hoạch sử dụng đất, lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phân khu	1.000										1.000			
3	Kinh phí vận hành, duy tu, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc các cơ quan và các trường học trên địa bàn phường	2.000										2.000			
4	Dự phòng tăng lương, tăng biên chế và các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	424										424			

ĐỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Hồng Bàng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ (Trước TKC 10%)	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
XII	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	850							850						
1	Kinh phí vận hành, duy tu, sửa chữa bảo dưỡng hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn phường	700							700						
2	Dự phòng các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	150							150						
XIII	Tài chính và khác	2.418													2.418
1	Dự phòng các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm và thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định	2.418													2.418